

( Đề thi gồm có 04 trang )

Mã đề thi 483

Họ, tên học sinh:..... lớp: .....

**Câu 1:** Cho các thông tin về diễn thế sinh thái như sau:

- (1) Xuất hiện ở môi trường đã có một quần xã sinh vật từng sống.
- (2) Có sự biến đổi tuần tự của quần xã qua các giai đoạn tương ứng với sự biến đổi của môi trường.
- (3) Song song với quá trình biến đổi quần xã trong diễn thế là quá trình biến đổi về các điều kiện tự nhiên của môi trường.
- (4) Luôn dẫn tới quần xã bị suy thoái.

Các thông tin phản ánh sự giống nhau giữa diễn thế nguyên sinh và diễn thế thứ sinh là

- A. (1) và (4).                      B. (2) và (3).                      C. (3) và (4).                      D. (1) và (2).

**Câu 2:** Cho các nhóm sinh vật trong một hệ sinh thái:

- (1) Thực vật nổi. (2) Động vật nổi. (3) Giun đất. (4) Cỏ. (5) Cá ăn thịt.

Các nhóm sinh vật thuộc bậc dinh dưỡng cấp 1 của hệ sinh thái trên là

- A. (2) và (3).                      B. (3) và (4).                      C. (1) và (4).                      D. (2) và (5).

**Câu 3:** Khi nói về chuỗi và lưới thức ăn, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Trong một quần xã, mỗi loài sinh vật chỉ tham gia vào một chuỗi thức ăn.  
B. Trong một lưới thức ăn, mỗi bậc dinh dưỡng chỉ có một loài.  
C. Tất cả các chuỗi thức ăn đều được bắt đầu từ sinh vật sản xuất.  
D. Khi thành phần loài trong quần xã thay đổi thì cấu trúc lưới thức ăn cũng bị thay đổi.

**Câu 4:** Cho các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật sau:

(1) Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát giảm mạnh vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8°C.

(2) Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ẩm áp, sâu hại xuất hiện nhiều.

(3) Số lượng cây tràm ở rừng U Minh Thượng giảm mạnh sau sự cố cháy rừng tháng 3 năm 2002.

(4) Hàng năm, chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô.

Những dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật theo chu kì là

- A. (1) và (4).                      B. (2) và (3).                      C. (1) và (3).                      D. (2) và (4).

**Câu 5:** Quần thể sinh vật tăng trưởng theo tiềm năng sinh học trong điều kiện nào sau đây?

- A. Không gian cư trú của quần thể bị giới hạn, gây nên sự biến động số lượng cá thể.  
B. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, gây nên sự xuất cư theo mùa.  
C. Nguồn sống trong môi trường rất dồi dào, hoàn toàn thỏa mãn nhu cầu của các cá thể.  
D. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, hạn chế về khả năng sinh sản của loài.

**Câu 6:** Đặc trưng nào sau đây không phải là đặc trưng của quần thể giao phối?

- A. Tỷ lệ các nhóm tuổi.                      B. Độ đa dạng về loài.  
C. Mật độ cá thể.                              D. Tỷ lệ giới tính.

**Câu 7:** Cho các quần xã sinh vật sau:

- (1) Rừng thưa cây gỗ nhỏ ưa sáng. (2) Cây bụi và cây cỏ chiếm ưu thế.  
 (3) Cây gỗ nhỏ và cây bụi. (4) Rừng lim nguyên sinh. (5) Trảng cỏ.

Sơ đồ đúng về quá trình diễn thế thứ sinh dẫn đến quần xã bị suy thoái tại rừng lim Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn là

- A. (5) → (3) → (1) → (2) → (4). B. (4) → (1) → (3) → (2) → (5).  
 C. (2) → (3) → (1) → (5) → (4). D. (4) → (5) → (1) → (3) → (2).

**Câu 8:** Mối quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một loài có lợi còn loài kia không có lợi cũng không bị hại thuộc về

- A. quan hệ kí sinh. B. quan hệ cạnh tranh.  
 C. quan hệ hội sinh. D. quan hệ cộng sinh.

**Câu 9:** Trong các kiểu phân bố cá thể của quần thể sinh vật, kiểu phân bố phổ biến nhất là

- A. phân bố ngẫu nhiên. B. phân bố đồng đều.  
 C. phân bố theo nhóm. D. phân bố theo chiều thẳng đứng.

**Câu 10:** Trong các quần xã sinh vật sau đây, quần xã nào có mức đa dạng sinh học cao nhất?

- A. Rừng mưa nhiệt đới. B. Thảo nguyên.  
 C. Hoang mạc. D. Savan.

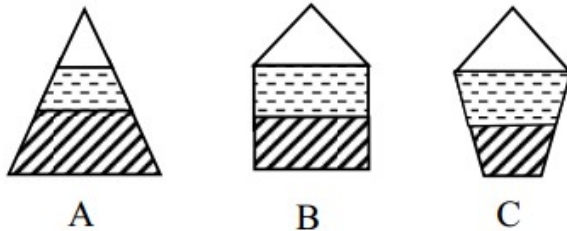
**Câu 11:** Hệ sinh thái nào sau đây đặc trưng cho vùng nhiệt đới?

- A. Đồng rêu. B. Rừng Địa Trung Hải.  
 C. Hoang mạc. D. Thảo nguyên.

**Câu 12:** Mối quan hệ giữa hai loài nào sau đây thuộc về quan hệ cộng sinh?

- A. Nấm và vi khuẩn lam tạo thành địa y. B. Tầm gửi và cây thân gỗ.  
 C. Cỏ dại và lúa. D. Giun đũa và lợn.

**Câu 13:** Tháp tuổi của 3 quần thể sinh vật với trạng thái phát triển khác nhau như sau:



Quy ước:

- A: Tháp tuổi của quần thể 1  
 B: Tháp tuổi của quần thể 2  
 C: Tháp tuổi của quần thể 3  
 ▨ Nhóm tuổi trước sinh sản  
 ▤ Nhóm tuổi đang sinh sản  
 □ Nhóm tuổi sau sinh sản

Quan sát 3 tháp tuổi trên có thể biết được

- A. quần thể 3 đang phát triển, quần thể 2 ổn định, quần thể 1 suy giảm (suy thoái).  
 B. quần thể 1 đang phát triển, quần thể 3 ổn định, quần thể 2 suy giảm (suy thoái).  
 C. quần thể 2 đang phát triển, quần thể 1 ổn định, quần thể 3 suy giảm (suy thoái).  
 D. quần thể 1 đang phát triển, quần thể 2 ổn định, quần thể 3 suy giảm (suy thoái).

**Câu 14:** Cho các ví dụ sau:

- (1) Sán lá gan sống trong gan bò. (2) Ong hút mật hoa.  
 (3) Tảo giáp nở hoa gây độc cho cá, tôm. (4) Trùng roi sống trong ruột mối.

Những ví dụ phản ánh mối quan hệ hỗ trợ giữa các loài trong quần xã là:

- A. (2), (3). B. (1), (4). C. (1), (3). D. (2), (4).

**Câu 15:** Giả sử một lưới thức ăn đơn giản gồm các sinh vật được mô tả như sau: cáo cào, thỏ và nai ăn thực vật; chim sâu ăn cáo cào; báo ăn thỏ và nai; mèo rừng ăn thỏ và chim sâu. Trong lưới thức ăn này, các sinh vật cùng thuộc bậc dinh dưỡng cấp 2 là :

- A. chim sâu, thỏ, mèo rừng. B. cáo cào, thỏ, nai.  
 C. chim sâu, mèo rừng, báo. D. cáo cào, chim sâu, báo.

- Câu 16:** Cho chuỗi thức ăn: Cây ngô → Sâu ăn lá ngô → Nhái → Rắn hổ mang → Diều hâu. Trong chuỗi thức ăn này, nhái là động vật tiêu thụ
- A. bậc 3.                      B. bậc 4.                      C. bậc 2.                      D. bậc 1.
- Câu 17:** Trong quần xã sinh vật, kiểu phân bố cá thể theo chiều thẳng đứng có xu hướng
- A. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các loài, tăng hiệu quả sử dụng nguồn sống.  
 B. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các loài, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn sống.  
 C. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các loài, giảm khả năng sử dụng nguồn sống.  
 D. làm tăng mức độ cạnh tranh giữa các loài, giảm hiệu quả sử dụng nguồn sống.
- Câu 18:** Khi nói về thành phần hữu sinh của hệ sinh thái, phát biểu nào sau đây là đúng?
- A. Sinh vật tiêu thụ gồm các động vật ăn thực vật, động vật ăn động vật và các vi khuẩn.  
 B. Tất cả các loài vi khuẩn đều là sinh vật phân giải, chúng có vai trò phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ.  
 C. Nấm là một nhóm sinh vật có khả năng phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ.  
 D. Thực vật là nhóm sinh vật duy nhất có khả năng tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ.
- Câu 19:** Mỗi quan hệ vật kí sinh - vật chủ và mỗi quan hệ vật ăn thịt - con mồi giống nhau ở đặc điểm nào sau đây?
- A. Loài bị hại luôn có số lượng cá thể nhiều hơn loài có lợi.  
 B. Luôn làm chết các cá thể của loài bị hại.  
 C. Luôn là mối quan hệ đối kháng giữa hai loài.  
 D. Loài bị hại luôn có kích thước cá thể nhỏ hơn loài có lợi.
- Câu 20:** Trong hệ sinh thái trên cạn, thực vật hấp thụ nitơ qua hệ rễ dưới dạng
- A. NO và  $\text{NH}_4^+$ .                      B.  $\text{N}_2\text{O}$  và  $\text{NO}_3^-$ .                      C.  $\text{NO}_3^-$  và  $\text{N}_2$ .                      D.  $\text{NO}_3^-$  và  $\text{NH}_4^+$ .
- Câu 21:** Quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật
- A. đảm bảo cho số lượng và sự phân bố các cá thể trong quần thể duy trì ở mức độ phù hợp với sức chứa của môi trường.  
 B. xuất hiện khi mật độ cá thể của quần thể xuống quá thấp.  
 C. thường làm cho quần thể suy thoái dẫn đến diệt vong.  
 D. chỉ xảy ra ở các quần thể động vật, không xảy ra ở các quần thể thực vật.
- Câu 22:** Khi kích thước của quần thể giảm xuống dưới mức tối thiểu thì
- A. trong quần thể có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể.  
 B. sự hỗ trợ giữa các cá thể tăng, quần thể có khả năng chống chịu tốt với những thay đổi của môi trường.  
 C. quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn đến diệt vong.  
 D. khả năng sinh sản của quần thể tăng do cơ hội gặp nhau giữa các cá thể đực với cá thể cái nhiều hơn.
- Câu 23:** Trong trường hợp không có nhập cư và xuất cư, kích thước của quần thể sinh vật sẽ tăng lên khi
- A. mức độ sinh sản tăng, mức độ tử vong giảm.  
 B. mức độ sinh sản giảm, mức độ tử vong tăng.  
 C. mức độ sinh sản không thay đổi, mức độ tử vong tăng.  
 D. mức độ sinh sản giảm, sự cạnh tranh tăng.
- Câu 24:** Khi nói về mật độ cá thể của quần thể, phát biểu nào sau đây không đúng?
- A. Mật độ cá thể của quần thể luôn cố định, không thay đổi theo thời gian và điều kiện sống của môi trường.  
 B. Khi mật độ cá thể của quần thể giảm, thức ăn dồi dào thì sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài giảm.

- C. Mật độ cá thể có ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường.
- D. Khi mật độ cá thể của quần thể tăng quá cao, các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt.

**Câu 25:** Thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể được gọi là

- A. tuổi quần thể.
- B. tuổi sinh thái.
- C. tuổi sinh sản.
- D. tuổi sinh lí.

**Câu 26:** Để xác định mật độ của một quần thể, người ta cần biết số lượng cá thể trong quần thể và

- A. diện tích hoặc thể tích khu vực phân bố của chúng.
- B. tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.
- C. kiểu phân bố của các cá thể trong quần thể.
- D. các yếu tố giới hạn sự tăng trưởng của quần thể.

**Câu 27:** Trong quần xã sinh vật, loài có tần suất xuất hiện và độ phong phú cao, sinh khối lớn, quyết định chiều hướng phát triển của quần xã là

- A. loài ưu thế.
- B. loài chủ chốt.
- C. loài ngẫu nhiên.
- D. loài đặc trưng.

**Câu 28:** Hiện tượng không chế sinh học trong quần xã dẫn đến

- A. trạng thái cân bằng sinh học trong quần xã.
- B. sự phát triển của một loài nào đó trong quần xã.
- C. làm giảm độ đa dạng sinh học của quần xã.
- D. sự tiêu diệt của một loài nào đó trong quần xã.

**Câu 29:** Trạng thái cân bằng của quần thể là trạng thái số lượng cá thể ổn định do

- A. các cá thể trong quần thể luôn cạnh tranh với nhau.
- B. sự thống nhất mối tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử.
- C. sức sinh sản tăng, sự tử vong giảm.
- D. các cá thể trong quần thể luôn hỗ trợ lẫn nhau.

**Câu 30:** Trong nghề nuôi cá để thu được năng suất cá tối đa trên một đơn vị diện tích mặt nước thì điều nào dưới đây là cần làm hơn cả ?

- A. Nuôi một loài cá thích hợp với mật độ cao và cho dư thừa thức ăn.
- B. Nuôi nhiều loài cá thuộc cùng một chuỗi thức ăn
- C. Nuôi nhiều loài cá với mật độ càng cao càng tốt.
- D. Nuôi nhiều loài cá sống ở các tầng nước khác nhau.

----- HẾT -----